

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 63/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26-9-2024

V/v: Ly hôn, giải quyết về con chung khi
ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Văn Phiếu.

- Ông Hà Quang Văn.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quang Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Ngân – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 188/2024/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2024 về việc: “Ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn”. theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2024, quyết định hoãn phiên tòa số 33/2024/QĐ-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Th, sinh năm 2000

Địa chỉ: Thôn Đ, xã X, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn A, sinh năm 1995

Địa chỉ: Thôn Tr, xã X, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Các đương sự vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 7 năm 2024, bản tự khai và các biên bản hòa giải, nguyên đơn chị Phạm Thị Th trình bày:

Về diễn biến quan hệ hôn nhân và gia đình: Chị và anh Phạm Văn A kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có thực hiện việc đăng ký tại UBND xã X, huyện N vào năm 2018. Sau khi cưới anh chị sinh sống với nhau tại xã X, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Tuy nhiên anh chị chỉ sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm không hợp nhau về mọi mặt. Hiện nay anh chị đã ly thân. Chị Th xác định mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng,

không thể hàn gắn và đoàn tụ với nhau được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Để cả hai ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Chị Th xác định chị và anh Acó 02 con chung là các cháu Phạm Nhất Asinh ngày 03/11/2018; Phạm Khánh Q sinh ngày 03/7/2021. Hiện cháu Nhất Anh ở với anh An, cháu Khánh Quỳnh ở với chị, nếu ly hôn chị xin nuôi cháu Quỳnh, cháu Nhất Anh để anh An nuôi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Phạm Văn A: Mặc dù đã được Tòa án nhân dân huyện N thông báo và tổng đạt hợp lệ các thông báo, giấy báo của Tòa án nhưng anh A vẫn không có ý kiến gửi Tòa án và không đến Tòa án để làm việc trực tiếp. Theo xác minh của Tòa án với Ủy ban nhân dân xã X thì anh A hiện vẫn cư trú và sinh sống cùng với mẹ đẻ là bà Phạm Thị H tại Thôn Tr, xã X, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Tại đơn xin xử vắng mặt, chị Th vẫn giữ quan điểm xin ly hôn với anh Phạm Văn A. Về con chung chị xin được tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Phạm Khánh Q, cháu Phạm Nhất Để anh A tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện N đã tiến hành giải quyết theo quy định. Do bị đơn không đến tham gia các phiên hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được, vì vậy vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Do bị đơn có nơi cư trú tại xã X, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết tranh chấp là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật TTDS năm 2015.

- *Việc xác định quan hệ tranh chấp:* Căn cứ đơn khởi kiện, Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn” là đúng quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về thời hạn chuẩn bị xét xử:* Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo về hình thức, nội dung.

- *Thời hạn gửi hồ sơ, văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát:* Đảm bảo quy định của pháp luật, việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Việc giao nộp tài liệu chứng cứ:* Thực hiện đúng các quy định tại Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, các tài liệu là bản sao đều có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền.

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước*

thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71. Bị đơn không thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Đề nghị HĐXX: Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 5, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị tuyên:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Th. Xử lý hôn giữa chị Phạm Thị Th và anh Phạm Văn A.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cháu Phạm Khánh Q sinh ngày 03/7/2021 cho chị Th chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và tự lập. Giao cháu Phạm Nhật Asinh ngày 03/11/2018 cho anh A chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và tự lập. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau

3. Về án phí ly hôn: Chị Phạm Thị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có nơi cư trú tại xã X, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình thụ lý vụ án là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:

[2.1]. Về hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh A là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên hai bên chỉ chung sống hạnh phúc được với nhau thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên không hợp nhau về mọi mặt, hai bên đã ly thân, không quan tâm gì đến nhau. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa hai bên chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th với anh A là có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về nuôi con chung: Chị Th với anh Acó 02 con chung là các cháu Phạm Nhất Asinh ngày 03/11/2018; Phạm Khánh Q sinh ngày 03/7/2021. Hiện cháu Nhất A ở với anh A, cháu Q ở với chị Th. Nguyên vọng của chị Th xin tiếp tục nuôi cháu Quỳnh, để anh Atiếp tục nuôi cháu Anh. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Th và anh A đều khỏe khỏe mạnh, có thu nhập, cháu Quỳnh còn nhỏ lại là con gái nên cần sự chăm sóc của người mẹ, cháu Nhất A đang ở ổn định với anh A. Vì vậy để đảm bảo sự ổn định cho các cháu cũng như nguyên vọng của các bên nên giao cháu Q cho chị Th được tiếp tục trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, giao cháu Nhất Anh cho anh Atiếp tục trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do các đương sự không có yêu cầu nên không đặt ra việc xem xét giải quyết trong vụ án này.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Phạm Thị Th phải chịu theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Các điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng: - Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho chị Phạm Thị Th ly hôn với anh Phạm Văn A.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Phạm Khánh Q sinh ngày 03/7/2021, cho chị Phạm Thị Th tiếp tục trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Giao cháu Phạm Nhất Asinh ngày 03/11/2018 cho anh Phạm Văn A tiếp tục trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Phạm Thị Th phải chịu theo quy định của pháp luật là 300.000 đồng. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Th đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001341 ngày 23/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã X;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

Nguyễn Thị Hương Quỳnh